

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của một số công trình khai thác nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 287/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với 28 công trình khai thác nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, phải tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi UBND cấp huyện nơi có công trình khai thác để tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có công trình khai thác:

- Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, gửi thông báo về kế hoạch xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh trên thực địa đến UBND cấp xã nơi có công trình khai thác và đơn vị quản lý, vận hành công trình để phối hợp thực hiện việc xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

- Sau khi hoàn thành việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa, gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoàn thành.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn; thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình trên địa bàn theo thẩm quyền.

3. Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành công trình khai thác nước:

- Phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có công trình khai thác và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa.

- Lắp đặt, cắm biển chỉ dẫn, bảo vệ biển chỉ dẫn về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình của mình; bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

- Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

- Trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước và tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước theo pháp luật tài nguyên nước.

4. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước mặt, nước dưới đất theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Đồng Hới, Bố Trạch, Quảng Trạch, Ba Đồn, Tuyên Hóa, Minh Hóa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn: Liên Thủy, Phong Thủy, Lộc Thủy, Mai Thủy, Phú Thủy, Mỹ



Thủy, Kim Thủy, Ngân Thủy, Vĩnh Ninh, Trường Xuân, Hải Thành, Đồng Sơn, Nông trường Việt Trung, Vạn Trạch, TT Phong Nha, Bắc Trạch, Hạ Mỹ, Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Kim, Quảng Sơn, Mai Hóa, Tiến Hóa, Phong Hóa, Thuận Hóa, Minh Hóa; Giám đốc các cơ quan, đơn vị quản lý vận hành công trình; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân, hộ gia đình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý TNN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm

PHỤ LỤC

Danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của một số công trình khai thác nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên tổ chức quản lý, vận hành công trình	Tên công trình	Vị trí khai thác nước	Tọa độ VN 2000 (Múi chiều 3 độ, KTT 106 độ)		Quy mô công trình khai thác (m ³ /ngày đêm)	Nguồn nước khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (mét)	Giấy phép khai thác nước
				X(m)	Y(m)				
1	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh	Cấp nước sạch Nhà máy sản xuất tinh bột	Xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	1926.094	668.942	420	Sông Lệ Kỳ	- 800m về phía thượng lưu; 200m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 2114/QĐ-UBND ngày 27/8/2010
2	Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Nhà máy nước Hải Thành	Phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	1934.479	565.942	5.000	Hồ Bàu Tró	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 2279/GP-UBND ngày 18/8/2015
3	Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Trạm cấp nước Hoàn Lão	Xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1947.958	549.234	2.000	Hồ Vực Nổi	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 2280/GP-UBND ngày 18/8/2015
4	Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Nhà máy nước TTNT Việt Trung	Thị trấn Nông Trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1933.077	553.637	1.000	Sông Dinh	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 30m tính từ mép bờ.	Số 2281/GP-UBND ngày 18/8/2015



5	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Nhà máy nước Phú Vinh	Phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	1930.327	558.521	25.000	Hồ Phú Vinh	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 260/GP-STNMT ngày 17/11/2017
6	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Nhà máy cấp nước thị trấn Kiến Giang	Xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1904.589	584.169	2.000	Sông Kiến Giang	- 800m về phía thượng lưu; 200m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 261/GP-STNMT ngày 17/11/2017
7	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Nhà máy cấp nước thị trấn Quy Đạt	Xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình	1965.746	499.131	2.000	Sông Rào Nan	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 262/GP-STNMT ngày 17/11/2017
8	BQL dự án Nhiệt điện 2 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I	Xã Quảng Châu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	1979.572	539.515	9.600	Hồ Vực Tròn	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 169/GP-STNMT ngày 30/5/2018
9	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình	Hệ thống cấp nước hồ Rào Đá	Xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	1910.852	566.342	20.000	Hồ Rào Đá	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 340/GP-STNMT ngày 11/9/2018
10	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Nhà máy cấp nước Phong Nha	Thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1945.431	529.536	1.500	Sông Sơn	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 136/GP-STNMT ngày 05/3/2019
11	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng	Nhà máy nước Quảng Châu	Xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch,	1978.021	539.610	10.000 - 15.000	Hồ Vực Tròn	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 283/GP-STNMT /

	nước DNP Quảng Bình		tỉnh Quảng Bình						ngày 15/4/2021
12	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình	Công trình thủy lợi Đồng Ran	Xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1955.072 1955.072	547.865 547.872	1.000	Hồ Đồng Ran	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 841/GP-STNMT ngày 05/10/2021
13	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sinh hoạt xã Mai Hóa	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	1972.040	519.189	720	Sông Rào Trỏ	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 84/GP-STNMT ngày 14/02/2022
14	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy	Xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1898.948	577.456	2.200	Hồ Phú Hòa	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 612/GP-STNMT ngày 29/8/2022
15	UBND xã Hạ Trạch (nay là UBND xã Hạ Mỹ)	Cấp nước sinh hoạt xã Hạ Mỹ	Xã Hạ Mỹ, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	1956.311	545.702	500	Hồ Vực Sanh	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 891/GP-STNMT ngày 15/12/2022
16	UBND xã Phong Thủy	Cấp nước sinh hoạt thôn Đại Phong	Xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1905.690	582.130	720	Sông Kiến Giang	- 800m về phía thượng lưu; 200m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 892/GP-STNMT ngày 15/12/2022
17	UBND xã Phong Thủy	Cấp nước sinh hoạt thôn Thượng Phong	Xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1905.933	584.015	567	Sông Kiến Giang	- 800m về phía thượng lưu; 200m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 893/GP-STNMT ngày 15/12/2022
18	UBND xã Lộc Thủy	Cấp nước sinh hoạt xã Lộc Thủy	Xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1906.184 1906.183	581.352 581.345	550	Sông Kiến Giang	- 800m về phía thượng lưu; 200m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình.	Số 894/GP-STNMT ngày 15/12/2022

								- 20m tính từ mép bờ.	
19	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sinh hoạt thôn Châu Xá	Xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1899.688	581.004	250	Hồ Cây Mung	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 1075/GP-STNMT ngày 28/12/2022
20	UBND xã Phong Hóa	Cấp nước sinh hoạt thôn Minh Cầm Trang, Minh Cầm Nội, Minh Cầm Ngoại	Xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	1972.243	517.511	405	Sông Gianh	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 1077/GP-STNMT ngày 28/12/2022
21	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sạch xã Mỹ Thủy	Xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1902.494	585.782	540	Sông Kiến Giang	- 800m về phía thượng lưu; 200m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 1084/GP-STNMT ngày 29/12/2022
22	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sinh hoạt xã Quảng Kim	Xã Quảng Kim, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	1985.176	545.634	258	Suối Tam Cấp	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 15m tính từ mép bờ.	Số 1076/GP-STNMT ngày 28/12/2022
23	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sạch thôn Thái Xá	Xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1899.289	584.491	1.164	Sông Kiến Giang	- 800m về phía thượng lưu; 200m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 1085/GP-STNMT ngày 29/12/2022
24	BQL dự án ODA huyện Quảng Trạch	Cấp nước sinh hoạt 10 xã thuộc thị xã Ba Đồn	Xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	1960.246	534.910	10.000	Sông Rào Nan	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 1256/GP-UBND ngày 22/5/2023

25	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	Cấp nước KDL nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang	Xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1889.584	580.399	235	Sông Rào Chân (lv Sg. Kiến Giang)	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 20m tính từ mép bờ.	Số 2623/GP-UBND ngày 18/9/2023
26	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sinh hoạt xã Mai Hóa và cụm xã Tiến Hóa, Châu Hóa và Văn Hóa	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	1971.521	520.427	2.000	Hồ Bẹ	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 13/GP-UBND ngày 05/01/2024
27	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sạch cụm xã Ngân Thủy, Sơn Thủy và TTNT Lệ Ninh	Xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1903.392	569.680	2.200	Hồ Cẩm Ly	Toàn bộ khu vực lòng hồ	Số 1047/GP-STNMT ngày 08/4/2025
28	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Cấp nước sạch cụm xã Tiến Hóa, Châu Hóa và Văn Hóa	Xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	1970.505	525.555	2.200	Khe Xai Thượng	- 1.000m về phía thượng lưu; 100m về phía hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình. - 15m tính từ mép bờ.	Số 1048/GP-UBND ngày 08/4/2025